

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1177/QĐ - BCT

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 109/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ; Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
Đối với 03 Thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng có mã số “2.000604, 2.001675, 2.001665” có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

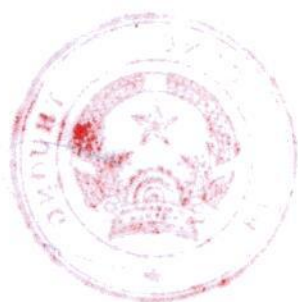
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, VPB.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phan Thị Thắng



PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ
BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
BỘ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 117/QĐ-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2026)

A. Danh mục TTHC sửa đổi bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương					
1	1.013770	Thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh trừ vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt theo pháp luật về công nghiệp, an ninh và động viên quốc phòng	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Xuất nhập khẩu	Bộ Công Thương
2	2.000253	Đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Quản lý cạnh tranh	Bộ Công Thương (Ủy ban cạnh tranh Quốc gia)
3	2.000262	Thông báo tập trung kinh tế		Quản lý cạnh tranh	Bộ Công Thương
4	1.000887	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp		Quản lý bán hàng đa cấp	(Ủy ban cạnh tranh Quốc gia)
5	2.001608	Sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp		Quản lý bán hàng đa cấp	Bộ Công Thương

6	1.003765	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp		Quản lý bán hàng đa cấp	(Ủy ban cạnh tranh Quốc gia
7	1.000494	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Bộ Công Thương
8	1.000917	Cấp giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ		Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Bộ Công Thương
9	1.000572	Cấp lại giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ		Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Bộ Công Thương
10	1.000539	Cấp điều chỉnh giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ		Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Bộ Công Thương

B. Thủ tục hành chính cấp Tỉnh

1	2.000578	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	2.001282	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đã có quyết định tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Xuất nhập khẩu	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
3	1.013771	Thủ tục cấp giấy phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu,		Xuất nhập khẩu	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

		tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh		
4	1.000957	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác		Xuất nhập khẩu	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
5	1.000905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập		Xuất nhập khẩu	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
6	1.013778	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh		Xuất nhập khẩu	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

B. Danh mục Thủ tục hành chính bãi bỏ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương					
1.	1.013984	Cấp chứng chỉ quản lý năng lượng	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Năng lượng	Bộ Công Thương
2.	1.013985	Cấp đổi, cấp lại chứng chỉ quản lý năng lượng khi chưa hết hạn		Năng lượng	Bộ Công Thương
3.	1.014532	Cấp lại chứng chỉ quản lý năng lượng khi hết hạn		Năng lượng	Bộ Công Thương
4.	1.013735	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu dầu khí ký kết hợp đồng dầu khí	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Dầu khí	Bộ Công Thương
5.	1.013736	Chấp thuận/phê duyệt gia hạn thời hạn của hợp đồng dầu khí, gia hạn thời hạn của giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí; giữ lại/kéo dài thời gian giữ lại diện tích phát hiện khí; mở rộng diện tích hợp đồng dầu khí, hợp nhất phát hiện dầu khí, mở dầu khí		Dầu khí	Bộ Công Thương
6.	1.013737	Phê duyệt chuyển nhượng quyền lợi tham		Dầu khí	Bộ Công Thương

		gia, quyền và nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng dầu khí; việc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam thực hiện quyền tham gia, quyền ưu tiên mua trước quyền lợi tham gia, tiếp nhận quyền lợi tham gia trong hợp đồng dầu khí	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh		
7.	1.011689	Chấp thuận để lại một phần hoặc toàn bộ công trình dầu khí; hoãn thu dọn một phần hoặc toàn bộ công trình dầu khí		Dầu khí	Bộ Công Thương
8.	1.013772	Thủ tục chấp thuận hàng hóa, dịch vụ thuộc diện cấm xuất khẩu được tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Xuất nhập khẩu	Bộ Công Thương
9.	1.013773	Thủ tục chấp thuận việc bán, tặng hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu nhưng đã được tạm xuất khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài		Xuất nhập khẩu	Bộ Công Thương
10.	2.001189	Thủ tục cấp Giấy phép gia công hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép		Xuất nhập khẩu	Bộ Công Thương
11.	1.002853	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép gia công hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép		Xuất nhập khẩu	Bộ Công Thương
12.	1.013986	Cho phép gia công hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài		Xuất nhập khẩu	Bộ Công Thương

B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1.	2.000604	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	UBND cấp tỉnh
2.	2.001675	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định		Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	UBND cấp tỉnh
3.	2.001665	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định		Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	UBND cấp tỉnh
4.	1.000475	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Kinh doanh khí	UBND cấp tỉnh
5.	1.000455	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG		Kinh doanh khí	UBND cấp tỉnh
6.	1.000742	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG.		Kinh doanh khí	UBND cấp tỉnh
7.	2.000304	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.		Kinh doanh khí	UBND cấp tỉnh
8.	1.000709	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.		Kinh doanh khí	UBND cấp tỉnh
9.	1.000704	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini		Kinh doanh khí	UBND cấp tỉnh
10.	1.004021	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)		Công nghiệp tiêu dùng	UBND cấp tỉnh
11.	1.003992	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Công nghiệp tiêu dùng	UBND cấp tỉnh
12.	2.001646	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)		Công nghiệp tiêu dùng	UBND cấp tỉnh
13.	2.001630	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)		Công nghiệp tiêu dùng	UBND cấp tỉnh

14.	1.004007	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Công nghiệp tiêu dùng	UBND cấp tỉnh
15.	2.001424	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
16.	1.000510	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
17.	1.000491	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
18.	1.005184	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
19.	1.005372	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
20.	1.000649	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
21.	1.000706	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
22.	1.000387	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
23.	2.000146	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh

24.	2.000142	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
25.	2.000136	Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
26.	2.000078	Cấp điều chỉnh Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
27.	2.000073	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
28.	2.000207	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
29.	2.000201	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
30.	2.000194	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
31.	2.000187	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
32.	2.000175	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
33.	2.000196	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
34.	1.000425	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
35.	2.000180	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh

36.	2.000166	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
37.	2.000156	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
38.	2.000390	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
39.	2.000387	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
40.	2.000376	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
41.	2.000371	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
42.	2.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
43.	2.000279	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
44.	1.000481	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
45.	2.000163	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
46.	1.000444	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh

47.	2.000211	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
48.	1.003977	Cấp Giấy phép phân phối rượu		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
49.	1.005376	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
50.	1.003101	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
51.	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
52.	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh
53.	2.000636	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp tỉnh

C. Thủ tục hành chính cấp xã

1.	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	Công nghiệp tiêu dùng	UBND cấp xã
2.	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh		Công nghiệp tiêu dùng	UBND cấp xã
3.	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh		Công nghiệp tiêu dùng	UBND cấp xã
4.	2.001283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp xã
5.	2.001270	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp xã
6.	2.001261	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp xã

		kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh		
7.	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp xã
8.	2.001240	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp xã
9.	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu		Lưu thông hàng hóa trong nước	UBND cấp xã